TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÂN HIỆU QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự do- Hạnh phúc

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THI CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN NGÀY 25.11.2017 (LẦN 1 NGÀY 02/12/2017)

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại	Thi lần
1	KT	16001065	Lê Trung	An	22/04/1998	Quảng Ngãi					**0.0**	**0.0**	Rớt	Vắng
2	KT	16000305	Phạm Thị	Ái	04/04/1998	Gia Lai	6.75	6.0	5.5	5.0	**5.6**	**5.9**	Trung bình	2
3	KT	15000325	Nguyễn Ngọc	Ấn	14/12/1997	Quảng Ngãi	5.75	5.0	5.0	5.0	**5.0**	**5.2**	Trung bình	2
4	KT	17000295	Nguyễn Sỹ	Bằng	06/03/1998	Quảng Ngãi	5	5.0	5.0	5.0	**5.0**	**5.0**	Trung bình	2
5	KT	16000225	Nguyễn Thị	Biên	03/04/1998	Quảng Ngãi	7.25	6.0	5.5	5.0	**5.6**	**6.1**	TB Khá	2
6	KT	16000695	Trần Nguyên	Bách	20/02/1998	Quảng Nam	2.5	2.0	5.0	1.0	**3.0**	**2.9**	Rớt	1
7	KT	15001085	Thái Văn	Chung	20/05/1982	Nghệ An	5	5.5	7.0	6.0	**6.2**	**5.8**	Trung bình	1
8	KT	16000765	Ngô Thị Mỹ	Diệu	14/03/1998	Quảng Ngãi	7	6.5	5.0	6.0	**5.8**	**6.2**	TB Khá	2
9	KT	16000235	Trần Thành	Dân	20/06/1998	Bình Định	7	5.5	6.0	6.0	**5.8**	**6.2**	TB Khá	2
10	KT	16000345	Nguyễn Tấn	Dân	16/06/1998	Bình Định	5.5	6.0	8.0	5.0	**6.6**	**6.3**	TB Khá	1
11	KT	16000935	Nguyễn Văn	Dung	09/03/1997	Quảng Ngãi	5	7.0	7.0	6.0	**6.8**	**6.3**	TB Khá	1
12	KT	16000555	Lương Viết	Đức	24/05/1998	Đăk Lăk	5.25	6.5	7.0	5.0	**6.4**	**6.1**	TB Khá	1
13	KT	17001065	Phạm Nguyễn	Đặng	19/07/1997	Quảng Ngãi	6.5	7.0	6.0	6.0	**6.4**	**6.4**	TB Khá	2
14	KT	16001265	Võ Văn	Đường	06/10/1998	Quảng Ngãi	6.75	6.5	7.0	6.0	**6.6**	**6.6**	TB Khá	2
15	KT	16000385	Nguyễn Minh	Đạt	04/09/1998	Quảng Ngãi	3	1.0	6.0	0.0	**2.8**	**2.9**	Rớt	1

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại	Thi lần
16	KT	16000475	Nguyễn Đức	Giàu	17/01/1998	Quảng Ngãi	5	6.0	6.0	6.0	**6.0**	**5.7**	Trung bình	1
17	KT	16000325	Bùi Thị Thùy	Giao	24/09/1998	Quảng Nam	6.5	5.0	6.0	5.0	**5.4**	**5.7**	Trung bình	2
18	KT	16000455	Trương Thị Ngọc	Hiền	07/04/1998	Gia Lai	7.25	7.5	7.0	6.5	**7.1**	**7.1**	Khá	1
19	KT	16000015	Mai Nữ Ngọc	Hằng	18/06/1998	Bình Định	7	8.0	5.0	7.5	**6.7**	**6.8**	TB Khá	1
20	KT	16000735	Đinh Huỳnh Tường	Huân	12/04/1998	Phú Yên	6.5	7.5	7.5	7.5	**7.5**	**7.2**	Khá	1
21	KT	16000965	Nguyễn Thanh	Huy	13/11/1998	Quảng Nam	6.75	6.0	8.0	6.5	**6.9**	**6.9**	TB Khá	1
22	KT	15000975	Nguyễn Văn	Hoài	14/01/1997	Quảng Ngãi	5.5	5.0	5.0	5.0	**5.0**	**5.2**	Trung bình	2
23	KT	17001015	Phạm Minh	Hiếu	07/06/1999	Quảng Ngãi	6.25	5.5	7.0	4.0	**5.8**	**5.9**	Trung bình	1
24	KT	17000275	Trần Văn	Hiếu	03/11/1999	Quảng Ngãi	6.5	4.5	7.0	5.0	**5.6**	**5.9**	Trung bình	1
25	KT	17000155	Nguyễn Huy	Hoàng	11/05/1999	Bình Định	7.5	4.5	6.5	4.0	**5.2**	**5.9**	Trung bình	1
26	KT	16000075	Ung Doãn Quốc	Huy	07/06/1998	Quảng Nam	6.75	4.0	7.0	4.5	**5.3**	**5.7**	Trung bình	1
27	KT	15000565	Trần Thanh	Húy	25/12/1997	Quảng Ngãi	6	4.5	5.0	6.5	**5.1**	**5.4**	Trung bình	1
28	KT	16000245	Trần Quốc	Hiệp	01/11/1998	Bình Thuận	6.75	7.0	9.0	8.0	**8.0**	**7.6**	Khá	1
29	KT	16000505	Trần Quang	Huy	17/09/1998	Đăk Lăk	7	5.5	7.0	8.5	**6.7**	**6.8**	TB Khá	1
30	KT	16000425	Phan Văn	Hải	12/04/1998	Quảng Nam	6.25	8.5	9.0	7.5	**8.5**	**7.8**	Khá	1
31	KT	16000365	Hoàng Thị Thanh	Hiền	02/02/1998	Quảng Nam	5	5.5	5.5	4.5	**5.3**	**5.2**	Trung bình	2
32	KT	17000395	Nguyễn văn	Hiệp	21/06/1999	Quảng Ngãi	5.25	6.5	8.0	4.5	**6.7**	**6.3**	TB Khá	1
33	KT	16001105	Võ Thị Cẩm	Hoa	03/10/1998	Quảng Ngãi	5	5.5	7.5	3.5	**5.9**	**5.6**	Trung bình	1
34	KT	16000895	Phạm Thị Oanh	Kiều	15/01/1998	Quảng Ngãi	6	9.5	9.0	7.0	**8.8**	**8.0**	Giỏi	1
35	KT	HV005075	Võ Hùng	Linh	20/07/1984	Quảng Ngãi	8.25	3.0	7.5	5.0	**5.2**	**6.1**	TB Khá	1

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại	Thi lần
36	KT	17000175	Võ Văn	Lập	10/07/1999	Quảng Ngãi	7.25	5.5	4.0	7.0	**5.2**	**5.8**	Trung bình	2
37	KT	17000145	Trần Văn	Lộc	20/09/1999	Gia Lai	7	6.0	4.5	6.0	**5.4**	**5.9**	Trung bình	2
38	KT	16000725	Trần Ái Ngọc	Linh	22/07/1998	Phú Yên	6.25	7.5	8.0	7.0	**7.6**	**7.2**	Khá	1
39	KT	16001115	Nguyễn Thị Hoài	Linh	21/10/1998	Bình Định	7.75	6.0	9.0	7.5	**7.5**	**7.6**	Khá	1
40	KT	16000035	Lê Quang	Lộc	06/04/1998	Quảng Ngãi	6.25	9.5	9.5	7.0	**9.0**	**8.2**	Giỏi	1
41	KT	16000135	Xa Văn	Long	26/10/1998	Quảng Nam	6.5	7.0	9.5	8.0	**8.2**	**7.7**	Khá	1
42	KT	16000625	Trần Thị Nhật	Linh	10/05/1998	Quảng Trị	8.5	6.0	5.0	4.0	**5.2**	**6.2**	TB Khá	2
43	KT	16000395	Lê Thị Diễm	My	10/03/1998	Bình Định	6.75	4.0	8.0	5.0	**5.8**	**6.1**	TB Khá	2
44	KT	16001225	Tạ Thị Thảo	My	16/05/1998	Quảng Ngãi	5.25	6.5	8.0	5.0	**6.8**	**6.3**	TB Khá	1
45	KT	16000635	Nguyễn Thị	My	12/09/1998	Quảng Ngãi	5.5	8.0	8.0	8.0	**8.0**	**7.3**	Khá	1
46	KT	16000055	Nguyễn Thái	Nguyên	19/08/1998	Quảng Ngãi	6.75	5.5	6.0	4.0	**5.4**	**5.8**	Trung bình	2
47	KT	16000595	Mai Long	Nhật	21/08/1998	Bình Định	5	3.0	6.5	6.5	**5.1**	**5.1**	Trung bình	1
48	KT	15000385	Nguyễn Thành	Ngân	15/07/1997	Quảng Ngãi	5.25	5.0	5.0	5.5	**5.1**	**5.1**	Trung bình	2
49	KT	16000835	Lê Đức	Nhạt	15/05/1997	Quảng Ngãi	3	2.0	5.0	5.0	**3.8**	**3.6**	Rớt	1
50	KT	16000515	Đặng Bảo	Nhi	16/07/1998	Đăk Lăk	6.75	6.0	5.5	6.0	**5.8**	**6.1**	TB Khá	2
51	KT	16000375	Thái Doãn	Phát	07/12/1998	Nghệ An	5.75	8.0	7.0	4.5	**6.9**	**6.6**	TB Khá	2
52	KT	15000165	Nguyễn Thanh	Phát	13/04/1996	Quảng Ngãi	5.25	5.0	5.0	5.5	**5.1**	**5.1**	Trung bình	2
53	KT	16001055	Đỗ Ngọc	Phương	05/07/1998	Quảng Ngãi	7	5.0	5.0	5.0	**5.0**	**5.6**	Trung bình	2
54	KT	16000975	Nguyễn Văn Minh	Quang	16/02/1998	Quảng Ngãi	6.25	6.0	5.5	5.0	**5.6**	**5.8**	Trung bình	2
55	KT	15001045	Võ Nhật	Quang	16/11/1997	Quảng Ngãi	5	5.5	5.0	5.0	**5.2**	**5.1**	Trung bình	1

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại	Thi lần
56	KT	17000895	Phạm	Quân	19/10/1999	Quảng Ngãi	7	5.0	5.0	5.0	**5.0**	**5.6**	Trung bình	2
57	KT	16000465	Huỳnh Lưu	Quang	25/05/1998	Quảng Nam	7	4.5	6.5	4.0	**5.2**	**5.7**	Trung bình	2
58	KT	16000285	Phan Tiến	Quang	27/01/1998	Nghệ An	5.75	5.0	6.5	4.0	**5.4**	**5.5**	Trung bình	1
59	KT	16000825	Phan Thế	Quân	02/01/1998	Quảng Trị	6.5	5.5	7.0	4.0	**5.8**	**6.0**	TB Khá	1
60	KT	16000435	Nguyễn Khắc	Sinh	24/03/1998	Bình Định	6	6.5	10.0	7.5	**8.1**	**7.5**	Khá	1
61	KT	16001245	Hà Hồng	Sơn	04/11/1998	Thanh Hóa	5	6.0	6.0	4.0	**5.6**	**5.4**	Trung bình	1
62	KT	16001145	Đoàn Ngọc	Tân	10/06/1998	Quảng Nam	6	6.5	8.0	8.0	**7.4**	**7.0**	Khá	1
63	KT	16000785	Lê Đình	Thân	26/05/1998	Bình Định	5.75	9.0	9.0	8.5	**8.9**	**8.0**	Giỏi	1
64	KT	16000805	Trần Tiến	Thành	05/02/1998	Gia Lai	7.5	8.5	9.0	8.5	**8.7**	**8.3**	Giỏi	1
65	KT	16000945	Phạm Thu	Thủy	18/09/1998	Gia Lai	7.5	6.0	8.0	7.0	**7.0**	**7.2**	Khá	1
66	KT	16001075	Nguyễn Thị Thu	Trinh	22/04/1998	Quảng Ngãi	6	6.5	6.0	8.0	**6.6**	**6.4**	TB Khá	1
67	KT	15001035	Trương Thế	Tiến	20/04/1997	Quảng Ngãi	5.75	6.0	6.0	7.5	**6.3**	**6.1**	TB Khá	1
68	KT	17000495	Nguyễn Tú	Tài	01/03/1999	Quảng Ngãi	5	4.5	2.0	4.0	**3.4**	**3.9**	Rớt	2
69	KT	17001075	Ngô Anh	Tân	21/06/1999	Phú Yên	5	6.5	4.0	4.0	**5.0**	**5.0**	Trung bình	2
70	KT	17000485	Nguyễn Quang	Tiến	02/08/1999	Bình Định	6.25	6.0	6.0	7.0	**6.2**	**6.2**	TB Khá	1
71	KT	16000205	Trương Quang	Thịnh	16/06/1997	Quảng Ngãi	6.5	7.0	7.0	7.0	**7.0**	**6.9**	TB Khá	1
72	KT	16000255	Phạm Huỳnh	Thiên	03/06/1998	Quảng Ngãi	6.5	4.0	6.0	5.5	**5.1**	**5.5**	Trung bình	2
73	KT	16000795	Trần Thanh	Tùng	06/06/1998	Bình Định	6.5	8.0	8.0	3.0	**7.0**	**6.9**	TB Khá	1
74	KT	16000105	Mai Nhật	Triều	25/10/1998	Quảng Ngãi	7.5	7.0	8.0	3.0	**6.6**	**6.9**	TB Khá	1
75	KT	16000335	Hồ Văn	Trưởng	04/02/1998	Bình Định	7.75	6.0	8.0	3.0	**6.2**	**6.7**	TB Khá	1

TT	Đăng ký	MSSV	HỌ ĐỆM	TÊN	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm LT	Điểm win +word	Điểm Excel	Điểm Power point	Điểm TB Thực hành	Kết quả	Xếp loại	Thi lần
76	KT	16000615	Phan Đình	Thiên	17/07/1997	Quảng Ngãi	7.25	8.0	6.0	4.0	**6.4**	**6.7**	TB Khá	1
77	KT	16000915	Lại Thị Thùy	Trang	08/07/1998	Quảng Ngãi	7	8.5	7.0	6.5	**7.5**	**7.4**	Khá	1
78	KT	16000545	Nguyễn Anh	Tuấn	05/06/1998	Bình Định	6.25	8.0	8.0	6.5	**7.7**	**7.3**	Khá	1
79	KT	16074821	Trương Hồ	Tuấn	08/10/1998	Bình Định	7	8.0	9.0	6.0	**8.0**	**7.7**	Khá	1
80	KT	16001175	Nguyễn Thị	Thương	08/02/1997	Quảng Ngãi	6	8.5	8.0	7.0	**8.0**	**7.4**	Khá	1
81	KT	16000125	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	01/01/1998	Quảng Nam	5.75	4.0	7.0	4.0	**5.2**	**5.4**	Trung bình	1
82	KT	16000195	Nguyễn Thị Kiều	Vân	07/09/1997	Quảng Ngãi	6.75	5.0	5.0	5.0	**5.0**	**5.5**	Trung bình	2
83	KT	16001025	Võ Đình	Vũ	28/07/1998	Quảng Ngãi	5.5	4.0	6.0	5.0	**5.0**	**5.2**	Trung bình	2
84	KT	16001005	Nguyễn Thị Hồng	Vân	26/05/1998	Quảng Ngãi	6.75	9.0	9.0	7.0	**8.6**	**8.0**	Giỏi	1
85	KT	17001175	Đinh Minh	Việt	04/08/1999	Bình Định	5.75	3.5	2.0	2.5	**2.7**	**3.6**	Rớt	2